

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2025/DS-ST**
Ngày: 16-5-2025.
(V/v: Tranh chấp Hợp đồng
cầm cố).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Lê Phong; ông Nguyễn Văn Đô
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Bùi Thị Minh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-DS, ngày 14/02/2025, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2025/QĐST-DS ngày 29/4/2025 giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K.N, Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: bà Võ Diệp Minh T, nhân viên. (Giấy ủy quyền số 169/2024/UQ-SVN, ngày 02 tháng 12 năm 2024).

Bị đơn: Ông Bành Tấn A, sinh năm: 1986

Địa chỉ: khu phố D, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Võ Diệp Minh T trình bày: ngày 12/6/2023, ông Bành Tấn A có đến Chi nhánh Công ty Cổ Phần S tại địa chỉ số F, đường H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, đề ký Hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số PJM230601012NA19X được ký giữa các bên ngày 12/6/2023, số đăng ký Giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký Quốc gia: Giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp: 1528717048 theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn>/ông Bành Tấn A ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

01 xe gắn máy BKS:86B8-522.08; Nhãn hiệu: HONDA; số loại:Vario Indo; số khung: MH1KF4111KK671796; số máy: KF41E1674462; Giấy chứng nhận đăng

ký số 000194 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/5/2022 để lấy số tiền là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (12/6/2023 đến 12/6/2024) với mức lãi suất là 1,1%, số tiền trên ông Bành Tấn A phải thanh toán vào ngày 12 hàng tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) cho ông Bành Tấn A. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Bành Tấn A mượn lại xe để sử dụng, trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe là từ ngày 12/6/2023 đến ngày 12/7/2023, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần S1 Có Ngay P, ông Bành Tấn A có cam kết rõ trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình trả nợ, từ khi nhận tiền của Công ty chúng tôi, ông A thanh toán cho Công ty tổng cộng 06 đợt, số tiền là 15.101.000 đồng (trong đó tiền gốc: 10.478.106 đồng, lãi trong hạn 1.169.229 đồng, phí quản lý hồ sơ 531.468 đồng, phí mượn xe 2.860.000 đồng, phí phạt trả chậm: 62.198 đồng) sau đó ông A không trả nữa và cũng không trả lại xe máy cho Công ty chúng tôi. Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Bành Tấn A tại địa chỉ khu K, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nhưng ông A vẫn không thanh toán. Công ty chúng tôi đã tạo điều kiện về thời gian để ông A trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty chúng tôi, nhưng ông A không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty chúng tôi.

Nay Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tuyên buộc ông Bành Tấn A phải trả nợ tạm tính đến ngày 16/5/2025 số tiền tổng cộng là 19.240.890 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc là: 11.521.894 đồng; Tiền lãi trong hạn 1.1 % là : 449.519 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định 0.5% là 204.327 đồng; Phí mượn xe là: 3.960.000 đồng; Tiền lãi quá hạn 150% là: 3.105.150 đồng và ông Bành Tấn A còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh sau ngày xét xử ngày 17/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ông A phải chịu toàn bộ án phí.

Phần Phụ lục mục 6 của Hợp đồng phía công ty chúng tôi không yêu cầu. Ngoài ra Công ty chúng tôi không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Bành Tấn A: vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án không lý do, Tòa án đã thực hiện việc xác minh nơi cư trú của ông Bành Tấn A, xác định ông Bành Tấn A vẫn đang sinh sống tại địa chỉ mà Nguyên đơn cung cấp. Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông A.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 70, 71, 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 BLTTDS 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn: buộc ông Bành Tấn A phải trả cho Công ty Cổ Phần S toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, chi phí tố tụng khác theo Hợp đồng cầm cố tài sản số PJM230601012NA19X được ký giữa các bên ngày 12/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S. Ngoài ra Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng cầm cố, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn ông Bành Tấn A có địa chỉ tại khu phố D, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Bành Tấn A vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ Phần S khởi kiện yêu cầu ông Bành Tấn A trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 19.240.890 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này tranh chấp cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 309 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ Phần S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết tuyên buộc ông Bành Tấn A phải trả cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 16/5/2025 số tiền tổng cộng là 19.240.890 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc là: 11.521.894 đồng; Tiền lãi trong hạn 1.1 % là : 449.519 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định 0.5% là 204.327 đồng; Phí mượn xe là: 3.960.000 đồng; Tiền lãi quá hạn 150% là: 3.105.150 đồng và ông Bành Tấn A còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh sau ngày xét xử ngày 17/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ông A phải chịu toàn bộ án phí.

Xét yêu cầu trên HĐXX nhận thấy: giữa Công ty Cổ Phần S và ông Bành Tấn A có ký kết hợp đồng số PJM230601012NA19X được ký giữa các bên ngày 12/6/2023, số đăng ký Giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký quốc gia: Giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp: 1528717048 theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> ông Bành Tấn A ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe gắn máy BKS:86B8-522.08; Nhãn hiệu: HONDA; số loại: Vario Indo; số khung: MH1KF4111KK671796; số máy: KF41E1674462; Giấy chứng nhận đăng ký số

000194 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh B cấp ngày 31/5/2022 để lấy số tiền là 22.000.000 đồng;

Xét thấy theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự : “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng cầm cố này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Cổ Phần S giải ngân số tiền 22.000.000 đồng, ông A đã nhận đủ số tiền này tuy nhiên, sau đó ông A không thực hiện việc trả nợ đúng hạn.

Tại Hợp đồng cầm cố số PJM230601012NA19X, ngày 12/6/2023 thỏa thuận: Nguyên đơn đã giao cho Bị đơn số tiền 22.000.000 đồng (vào tài khoản bị đơn ông Bành Tấn A). thời hạn cầm cố là 12 tháng (12/6/2023 đến 12/6/2024) với mức lãi suất là 1,1%, Phí quản lý hồ sơ cố định là 0.5%, Phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản xe trả đúng hạn là 2% hoặc trễ hạn là 3% trên số tiền vay, tiền lãi quá hạn là 150%, số tiền trên ông Bành Tấn A phải thanh toán vào ngày 12 hàng tháng...Bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn đúng hạn. Hai bên ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Nền yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền tính đến ngày 16/5/2025, số tiền tổng cộng là 19.240.890 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc là: 11.521.894 đồng; Tiền lãi trong hạn 1.1 % là : 449.519 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định 0.5% là 204.327 đồng; P mượn xe là: 3.960.000 đồng; Tiền lãi quá hạn 150% là: 3.105.150 đồng và ông Bành Tấn A còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh sau ngày xét xử ngày 17/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn ông Bành Tấn A thanh toán xong toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn được quy định tại khoản 5 của phụ lục Hợp đồng cầm cố (đính kèm Hợp đồng cầm cố số PJM230601012NA19X, ngày 12/6/2023) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố P là phù hợp.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí Dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39; Điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án Dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bành Tấn A phải trả cho Công ty Cổ Phần S1 Có Ngay tổng số nợ tính đến ngày 16/5/2025, số tiền tổng cộng là 19.240.890 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc là: 11.521.894 đồng; Tiền lãi trong hạn 1.1 % là : 449.519 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định 0.5% là 204.327 đồng; Phí mượn xe là: 3.960.000 đồng; Tiền lãi quá hạn 150% là: 3.105.150 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/5/2025) ông Bành Tấn A còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của Hợp đồng cầm cố số PJM230601012NA19X, ngày 12/6/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty Cổ Phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Bành Tấn A phải chịu 962.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 14/02/2025 nguyên đơn đã nộp 461.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002741 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được hoàn trả cho Công ty Cổ Phần S.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (16/5/2025), đối với bị đơn vắng mặt, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- CC. Thi hành án dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc